

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2024/DS-ST

Ngày: 05-8-2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Minh Chiến

2. Bà Trương Thị Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 55/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1380/2024/QĐXX-DS ngày 03 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 1545/2024/QĐST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phan Thị Bích H**, sinh năm 1982; Địa chỉ: **B L, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định**, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà **Ngô Thị H1**, sinh năm 1974; địa chỉ: **số C N, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định**, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông **Võ Văn P**, sinh năm 1969; địa chỉ: **số C N, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định**, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Phan Thị Bích H trình bày:** Ông **Võ Văn P** (tên thường gọi: Giác) là cậu của chị. Bà **Ngô Thị H1** là vợ ông **P**. Năm

2016, vợ chồng ông **Võ Văn P**, bà **Ngô Thị H1** có vay chị số tiền 200.000.000đồng (là tài sản riêng của chị), mỗi tháng trả lãi 2.000.000đ (tức 1%/tháng), không có viết giấy, mục đích vay để vợ chồng ông **P**, bà **H1** mua bán, thỏa thuận khi nào chị cần tiền thì vợ chồng ông **P**, bà **H1** sẽ trả. Bà **H1** là người trực tiếp nhận tiền vay. Năm 2017, chị cần tiền mua nhà nên nhiều lần đến nhà vợ chồng ông **P**, bà **H1** yêu cầu trả số tiền đã vay. Vợ chồng ông **P**, bà **H1** không có tiền trả, nên ông **P** đứng ra hứa trả nợ cho chị.

Ngày 22/4/2018 âm lịch, bà **H1** trả cho chị số tiền 34.000.000đ và viết giấy xác nhận số tiền còn nợ. Sau đó, bà **H1** còn nhiều lần trả nợ cho chị qua hình thức chuyển khoản và tiền mặt (được chị ghi theo dõi lại, chỉ ghi số tiền trả không ghi ngày trả) với số tiền là 24.000.000đ.

Ngày 29/12/2019 âm lịch, chị và bà **H1** chốt số tiền nợ. Bà **Ngô Thị H1** ghi giấy nợ và ký tên, xác định số nợ còn lại là 142.000.000đ. Ngày 28.12.2020, bà **H1** trả thêm cho chị 3.000.000đồng, số tiền còn nợ 139.000.000đ. Từ sau ngày 28/12/2020 cho đến nay, chị không có nhận 3.000.000đ từ ông **P** trả.

Chị xác định số tiền vay 139.000.000đ là nợ chung của vợ chồng ông **P**, bà **H1**. Chị yêu cầu vợ chồng ông **P**, bà **H1** cùng có trách nhiệm liên đới trả cho chị số tiền vay gốc 139.000.000đ và tiền lãi chậm trả kể từ ngày 17/5/2024 (ngày Tòa thụ lý vụ án), lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật. Chị không yêu cầu tính khoản lãi chưa trả từ ngày vay đến ngày 16/5/2024.

- Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà **Ngô Thị H1 trình bày:** từ tháng 02/2011, bà nhiều lần vay tiền của chị **Phan Thị Bích H**, tính tổng số tiền vay gốc là 200.000.000đồng, mục đích vay để bà làm ăn, lãi suất thỏa thuận số tiền vay 100.000.000đồng thì mỗi tháng trả lãi 2.000.000đồng (2%/tháng). Ngày 29/12/2019 âm lịch giữa bà và **Phan Thị Bích H** chốt số tiền còn nợ là 142.000.000đ. Bà đã ký xác nhận nợ. Sau đó, bà trả thêm 3.000.000đồng. Bà xác định giấy nợ mà **H** cung cấp cho Tòa đúng là chữ ký, chữ viết của bà.

Bà xác định còn nợ cho **H** số tiền gốc 139.000.000đồng, nhưng xin trả dần mỗi năm trả 5.000.000đồng, xin không trả lãi vì hiện nay kinh tế khó khăn. Bà vay tiền chị **H** để dùng vào mục đích cá nhân, nên sẽ có trách nhiệm trả nợ cho **H**, không liên quan đến chồng **Võ Văn P**. Bà không yêu cầu tính lại tiền lãi đã trả.

- Theo biên bản ghi lời khai ngày 29/5/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Võ Văn P trình bày:** Ông là chồng của bà **Ngô Thị H1** và là cậu của chị **Phan Thị Bích H**. Việc giao dịch vay, mượn tiền giữa bà **H1** và chị **H** thì ông không biết. Cách đây 01 năm, vào ngày giỗ cha của ông (ông ngoại của **H**), chị **H** đến nhà to

tiếng đòi nợ thì ông mới biết. Lúc đó, ông nói bà **H1** có vay tiền của chị **H** thì trả cho chị **H**. Ông xác định không liên quan gì đến khoản nợ chị **H** yêu cầu bà **H1** trả, không đồng ý cùng bà **H1** trả nợ.

Tại phiên tòa, các bên không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

- Chị **Phan Thị Bích H** yêu cầu bà **H1**, ông **P** cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ 139.000.000đ và tiền lãi từ ngày thụ lý vụ án (17/5/2024) đến khi bà **H1**, ông **P** trả xong số tiền nợ theo lãi suất quy định của pháp luật; Nếu bà **H1** chấp nhận trả nợ một lần trong khoảng thời gian từ ngày 05/8/2024 đến Tết âm lịch 2025, thì chỉ cần trả cho chị số tiền gốc 100.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

- Bà **Ngô Thị H1** xác định không có khả năng trả 01 lần số tiền nợ 139.000.000đ, đây là nợ riêng của bà, không liên quan đến chồng **Võ Văn P**. Bà xin trả dần mỗi năm 5.000.000đ và xin không trả lãi.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đối với vụ án từ giai đoạn thụ lý, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị **Phan Thị Bích H**. Buộc bà **Ngô Thị H1** trả cho chị **Phan Thị Bích H** một lần số tiền vay gốc 139.000.000đồng (một trăm ba mươi chín triệu đồng) và tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 17/5/2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Bác yêu cầu của chị **Phan Thị Bích H** về việc buộc ông **Võ Văn P** chịu trách nhiệm liên đới trả nợ. Bác yêu cầu của bà **Ngô Thị H1** xin trả dần số tiền nợ mỗi năm 5.000.000đồng và không yêu cầu tính lãi, vì chị **H** không chấp nhận. Án phí buộc bà **Ngô Thị H1** phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị **Phan Thị Bích H** khởi kiện yêu cầu bị đơn bà **Ngô Thị H1** có nghĩa vụ trả tiền vay nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự. Bị đơn bà **Ngô Thị H1** đang cư trú tại **thị xã A, tỉnh Bình Định** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông **Võ Văn P** vắng mặt tại phiên tòa, có đơn yêu

cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông P.

[3] Về yêu cầu trả tiền vay: Chị Phan Thị Bích H khởi kiện yêu cầu bà Ngô Thị H1 trả số tiền vay gốc còn nợ 139.000.000đồng theo giấy xác nhận nợ ngày 29/12/2019 âm lịch. Bà Ngô Thị H1 thừa nhận còn nợ chị Phan Thị Bích H số tiền vay gốc là 139.000.000đồng nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bà Ngô Thị H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên chị Phan Thị Bích H khởi kiện yêu cầu bà H1 trả số tiền vay còn nợ 139.000.000đồng là có căn cứ, được chấp nhận.

[4] Về yêu cầu tính lãi: Giấy xác nhận nợ không thể hiện mức lãi suất vay. Chị Phan Thị Bích H và bà Ngô Thị H1 đều xác định đây là hợp đồng vay có lãi, tuy nhiên mức lãi suất các bên đưa ra không thống nhất. Chị Phan Thị Bích H xác định mức lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng, còn bà H1 xác định mức lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng. Theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này (20%/năm) tại thời điểm trả nợ.* Do các bên có tranh chấp về lãi suất nên mức lãi suất được xác định là 10%/năm.

[5] Chị Phan Thị Bích H yêu cầu bà Ngô Thị H1 trả tiền lãi từ ngày 17/5/2024 (ngày Tòa thụ lý vụ án) cho đến khi xét xử. Thời gian từ ngày 17/5/2024 đến ngày xét xử 05/8/2024 là 80 ngày, số tiền lãi bà H1 phải trả là: 139.000.000đồng x (10%/365) x 80 ngày ≈ 3.046.000đồng.

[6] Chị Phan Thị Bích H và bà Ngô Thị H1 thống nhất không yêu cầu tính lại tiền lãi đã trả và tiền lãi chưa trả kể từ ngày vay cho đến ngày 16/5/2024. Theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Như vậy, tổng cộng số tiền bà H1 còn nợ là: 139.000.000đ + 3.046.000đồng = 142.046.000đồng.

[8] Theo khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn... trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.* Bà Ngô Thị H1 yêu cầu được trả dần số tiền nợ 5.000.000đồng/năm. Yêu cầu của bà H1 không được chị Phan Thị Bích H đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận.

[9] Về trách nhiệm liên đới: Bà Ngô Thị H1 cho rằng mục đích vay tiền để sử dụng cá nhân bà. Ông Võ Văn P xác định không biết giao dịch vay tiền giữa bà Ngô Thị H1 và chị Phan Thị Bích H. Năm 2023, khi chị H đến nhà to tiếng đòi nợ thì ông

mới biết. Ông không chấp nhận cùng bà H1 trả khoản nợ của chị H. Xét, giấy xác nhận nợ ngày 29/12/2019 âm lịch chỉ có bà Ngô Thị H1 viết và ký tên. Chị H không chứng minh được ông P tham gia vào giao dịch vay tiền và cũng không chứng minh được bà H1 vay tiền nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, chị H yêu cầu ông P chịu trách nhiệm liên đới cùng bà H1 trả nợ là không có căn cứ chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí về tranh chấp dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 7.102.300đồng. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn Phan Thị Bích H.

[11] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 5, Điều 92, khoản 1 Điều 147, các Điều 177, 179, 227, 288, 244, 264, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Bích H. Buộc bà Ngô Thị H1 có trách nhiệm trả cho chị Phan Thị Bích H số tiền 142.046.000(một trăm bốn mươi hai triệu, không trăm bốn mươi sáu nghìn) đồng, trong đó tiền vay 139.000.000đồng và tiền lãi 3.046.000đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Không chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị Bích H về việc buộc ông Võ Văn P có trách nhiệm liên đới trả nợ.

3/ Không chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị H1 xin trả dần số tiền nợ mỗi năm 5.000.000(năm triệu) đồng và xin không tính tiền lãi.

4/ Án phí dân sự sơ thẩm:

4.1/ Bà **Ngô Thị H1** phải chịu là 7.102.300(bảy triệu, một trăm lẻ hai nghìn, ba trăm) đồng.

4.2/ Hoàn trả cho chị **Phan Thị Bích H** 3.475.000(ba triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005410 ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

5/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã An Nhơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã An Nhơn;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ái Phượng